

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-PT

Ngày: 08/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Bà Vũ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2024/HS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Mạnh T, sinh ngày: 27/5/1974, tại tỉnh Điện Biên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà a, tổ dân phố b, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố a, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nhà báo; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến D (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1951; có vợ: Đặng Thị H, sinh năm 1989; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/4/2005, có hành vi gây rối trật tự công cộng, bị Công an thành phố Đ xử phạt bằng hình thức Cảnh cáo theo Quyết định số 39 ngày 25/4/2005; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/4/2023, tạm giam từ ngày 13/4/2023 cho đến ngày xét xử phúc thẩm (có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Hoàng Thế S, sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố a, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; chỗ ở: Tổ dân phố a, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

+ Ông Vũ Đức Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà a, tổ b, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1977; địa chỉ: Số nhà a, ngách a H, phường B, quận H, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1969; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố a, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố a, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà a, tổ dân phố b, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1989; nơi đăng ký thường trú: Số nhà a, tổ dân phố b, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố a, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

+ Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1971; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố a, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố a, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Ngô Cương Q, sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: Số a, Khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Khố T, thị trấn T, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- *Người giám định:*

+ Ông Lò May T - là Giám định viên tư pháp, lĩnh vực: Kỹ thuật số điện tử Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Trọng H, là Giám định viên tư pháp, lĩnh vực: Kỹ thuật số điện tử Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 3/2023, trong lúc ngồi uống cà phê ở quán cà phê P (địa chỉ: Tổ dân phố a, phường T, thành phố Đ) cùng bạn bè, T nghe được thông tin (T không nhớ người nói): Công ty TNHH G Điện Biên do Hoàng Thế S làm Giám đốc đang thi công đường bản N đi bản H, xã C, huyện T thiếu thủ tục về rừng.

Đến 10 giờ 34 phút ngày 28/3/2023 và 10 giờ 31 phút ngày 29/3/2023, Nguyễn Mạnh T gọi điện cho bạn là Nguyễn Hoàng L (Trưởng Văn phòng đại diện Miền Trung - Tây Nguyên, Báo Bảo vệ pháp luật, VKSND Tối cao) qua mạng xã hội Zalo (T sử dụng tài khoản “ĐT”, được đăng ký bằng số điện thoại 0972.635.abc; L sử dụng tài khoản “L”, được đăng ký bằng số điện thoại 091.448.abc) để hỏi thăm sức khỏe và được L nói về việc “có bạn đọc phản ánh thông tin sai phạm trong quá trình đấu thầu, gói thầu BT, do UBND huyện Đ là chủ đầu tư”; đồng thời L nhờ T lấy giúp số điện thoại của Chủ tịch UBND huyện Đ để tiện liên hệ thu thập thông tin phục vụ viết bài.

Đến 08 giờ 50 phút, 08 giờ 55 phút ngày 29/3/2023, T gọi điện thoại theo số 0888.279.abc cho Nguyễn Văn H (Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện

Biên) theo số điện thoại 0915.700.abc và hỏi H về tuyến đường bản N đi bản H đã thi công chưa, đã đủ thủ tục về rừng chưa? H trả lời T: Để anh hỏi kiểm lâm địa bàn cho. Vào lúc 08 giờ 56 phút cùng ngày, H gọi điện thoại từ số 0915.700.abc cho Hạng A T (Phó Hạt trưởng phụ trách Hạt kiểm lâm huyện T) theo số điện thoại 0917.833.abc về hai công trình thi công đường giao thông ở bản H và bản HC, xã C đã thi công chưa? T trả lời: Theo báo cáo của kiểm lâm địa bàn thì mới có công trình bản H đã khởi công và đang thi công. H nói tiếp: Kiểm tra lại xem dự án đó như thế nào, hình như nó xâm phạm vào rừng đấy. T trả lời: Để em hỏi lại kiểm lâm địa bàn và anh em ở cơ quan xem có ai đi kiểm tra tuyến đường đó thời điểm trước khi khởi công. H nói: Thế thì bảo kiểm lâm địa bàn đến hiện trường chụp ảnh, quay phim cụ thể cả tuyến để xem hiện trạng như thế nào; T nhất trí. Lúc này anh Phạm Việt H và Giàng A S đều là cán bộ Hạt kiểm lâm huyện T đang cùng ngồi ở phòng làm việc, T hỏi H và S về việc trước đây có ai đi kiểm tra tuyến đường bản N đi bản H không? Sang trả lời là H và S đã đi kiểm tra. T hỏi: Khi đi kiểm tra có lập biên bản không, hiện trạng thế nào? S trả lời là có biên bản liên ngành khi đi kiểm tra hiện trạng. T bảo S lấy biên bản cho T xem. S lấy hai tờ biên bản làm việc về xác minh hiện trạng rừng và đất rừng nằm trong phạm vi thực hiện công trình: Đường từ bản N đi bản H, xã C, huyện T (sau đây viết là: Biên bản xác minh rừng và đất rừng) và của công trình ở bản HC thuộc xã C, huyện T đưa cho T. T xem và sử dụng điện thoại di động của T chụp ảnh Biên bản xác minh hiện trạng rừng và đất rừng của công trình đường bản N đi bản H. Sau đó, T gọi điện thoại cho Lò Văn H - Kiểm lâm phụ trách địa bàn xã C, bảo H đi chụp ảnh, quay phim hiện trường công trình đường bản N đi bản H gửi về cho T. Khoảng 11 giờ cùng ngày, H gửi cho T đoạn video dài 03 phút 29 giây, nội dung quay phim đoạn công trình đường bản N đi bản H đang thi công. Sau đó, T gửi đoạn video này kèm theo ảnh chụp Biên bản xác minh rừng, đất rừng cho H và nhắn tin: *Đây thủ trưởng ạ. Theo báo cáo của địa bàn thì đã có đường cũ sẵn họ chỉ bạt ta luy để xây lại rãnh.* Sau khi được Hạng A T gửi cho đoạn video và ảnh chụp Biên bản xác minh rừng, đất rừng. Vào lúc 14 giờ 41 phút, 15 giờ 02 phút và 16 giờ 57 phút, H gọi cho T qua mạng xã hội Zalo (H sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Văn H”, được đăng ký bằng số điện thoại 0915.700.abc; Thắng sử dụng tài khoản ĐT) và nói: Con đường đó mới thi công được khoảng 20 mét, mới thi công ở đầu bản, chưa vào đất lâm nghiệp; công trình này thi công trên nền đường cũ, đã có các phòng ban của huyện T kiểm tra, xác định hiện trạng không có rừng và H gửi cho T đoạn video quay chụp về công trình đường bản N đi bản H, ảnh chụp Biên bản xác minh rừng và đất rừng.

Đến 14 giờ 46 phút ngày 29/3/2023, T gọi điện thoại cho anh Ngô Cương Q (Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình huyện T), T hỏi Q: Con đường bản Nôm đi bản H do ai thi công? Q trả lời: Con đường đó do Công ty TNHH G Điện Biên thi công. T hỏi tiếp: Hồ sơ công trình đã đầy đủ thủ tục về rừng chưa? Quyết nói: Đủ rồi. T nói với Q: Anh cứ kiểm tra lại đi. Q nói: Để anh kiểm tra lại. T nói với Q trong quá trình thực hiện dự án đường bản N đi bản H đã xâm phạm vào đất lâm nghiệp nhưng Q khẳng định với T là quá trình thi công không làm gì ảnh hưởng đến rừng.

Khoảng 14 giờ ngày 29/3/2023, Vũ Xuân T - Cán bộ kỹ thuật thuộc Ban Quản lý dự án các công trình huyện T (là cán bộ kỹ thuật giám sát công trình đường bản N đi bản H) gọi điện thoại cho Hoàng Thế S với nội dung là: Chiều nay có ai gọi cho anh chưa? S nói: Chưa có ai gọi cho anh cả. T nói: Anh phải gấp kiểm lâm tỉnh Điện Biên đi, mấy hôm nữa nó vào kiểm tra đấy. S hỏi lại T: anh sai cái gì mà phải gấp. T nói: Thôi anh cứ gấp trước đi, nếu kiểm lâm kiểm tra, không động vào cái nọ thì động vào cái kia, S nhất trí.

Sau khi nói chuyện với T, Q gọi điện thoại qua mạng xã hội Zalo cho Hoàng Thế S - Giám đốc Công ty TNHH G Điện Biên, đơn vị trúng thầu thi công công trình đường bản H đi bản H, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên (sau đây viết là Công trình đường bản N đi bản H). Q nói với S: T “B” gọi điện cho anh, liên quan đến công trình đường bản N đi bản H, chú gọi điện cho nó trao đổi xem thế nào (ý Q là bảo S liên hệ với T, hỏi T đã nắm được thông tin gì liên quan đến công trình kể trên và T muốn gì); S nhất trí. Vào lúc 14 giờ 13 phút cùng ngày, Hoàng Thế S gọi điện thoại theo số 0912.683.abc cho Nguyễn Văn H theo số điện thoại 0915.700.abc; S giới thiệu là Giám đốc Công ty TNHH G Điện Biên, hiện đang thi công công trình đường giao thông ở huyện T, S xin được gặp H và H nói đang bận, hẹn S nếu có việc gì thì sáng hôm sau (tức ngày 30/3/2023) đến gặp H ở Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên.

Đến 15 giờ 18 phút và 15 giờ 31 phút cùng ngày, S gọi điện cho T để xin gặp, T trả lời đang ở nhà; S đến nhà T (tại tổ dân phố a, phường N, thành phố Đ); S và T ngồi nói chuyện với nhau ở phòng khách, T ngồi ở chiếc ghế đặt ở đầu bàn uống nước, S ngồi ở chiếc ghế đặt ở ngang bàn uống nước, vị trí S ngồi cách T khoảng 02 mét (S sử dụng chiếc điện thoại di động của S để ghi âm lại cuộc nói chuyện), lúc này T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H (qua mạng xã hội Zalo và bật loa ngoài) nội dung cuộc gọi: T nói chuyện với H về việc gửi giấy mời cho T để đi kiểm tra dự án (S nghe được cuộc gọi nêu trên thì lo lắng dự án đường bản N đi bản H sẽ bị kiểm tra), T tắt máy rồi nói với S: Nó muốn gửi giấy mời đấy. T tiếp tục nói lan man về một số doanh nghiệp, quan chức đều phải sợ T nếu T vào kiểm tra các công trình xây dựng. T nói dự án thi công đường bản N đi bản H mà Công ty của S đang thi công còn thiếu thủ tục. T mở đoạn video về công trình đường bản N đi bản H cho S xem và yêu cầu S buổi tối phải đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nếu không T hoặc người khác sẽ đăng bài về công trình đường bản N đi bản H mà Công ty của S đang thi công (nghe T nói vậy, S thấy sợ và tin T đã nói thì sẽ tìm mọi cách để tác động gây ảnh hưởng không tốt đến việc triển khai thi công, thanh toán và lần sau khó tham gia dự án khác), vì vậy, S đồng ý về thu xếp tiền theo yêu cầu của T. Sau khi gặp T, S gọi điện thoại cho Q qua mạng xã hội Zalo, S nói với Q là S đã gặp T, T nói công trình đường bản N đi bản H đã xâm phạm vào đất rừng. Lúc này, Q gọi điện thoại cho T qua mạng xã hội Zalo và hẹn gặp T vào ngày hôm sau (tức ngày 30/3/2023) tại thành phố Đ, T nhất trí.

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, S gọi theo số điện thoại 0913.393.abc cho T theo số điện thoại 0888.279.abc để xin khất vì S chưa thu xếp được tiền thì được T cho biết Ngô Cương Q - Giám đốc QLDA các công trình huyện Tuần G đã gọi

điện thoại cho T, hẹn gặp T vào ngày hôm sau (tức ngày 30/3/2023). Vào khoảng 08 giờ ngày 30/3/2023, Hoàng Thế S gặp Ngô Cương Q tại quán cà phê T (có địa chỉ tại: Tổ dân phố a, phường T, thành phố Đ), S nói với Q: T đòi S phải đưa cho T 50.000.000 đồng thì T mới không làm gì ảnh hưởng đến công trình. Q nói với S: Mình thực hiện không có gì vi phạm, cứ để anh gặp T trao đổi cụ thể đã, S đồng ý. Đến 10 giờ 18 phút ngày 30/3/2023, Q gặp T ở quán cà phê P, T đã trao đổi với Q việc công trình đường từ bản N đi bản H đã xâm phạm vào đất rừng. Q trả lời T là quá trình thực hiện công trình đường bản N đi bản H không có vi phạm gì cả, đã có liên ngành đi kiểm tra, xác minh, xác nhận phạm vi thực hiện tuyến đường không xâm phạm vào đất rừng, nhưng T vẫn nói công trình đang có sai phạm nghiêm trọng. T phân tích cho Q biết hậu quả của sai phạm và Q là người phải chịu trách nhiệm trong việc đề xảy ra sai phạm (qua nói chuyện Q hiểu T đang đe dọa Q và cũng muốn Q phải cho tiền T thì T mới không làm ảnh hưởng xấu đến công việc công trình đang thực hiện). Sau khi nói chuyện xong, Q ra về và gọi điện thoại cho S qua mạng xã hội Zalo. Sơn nghe thấy Q nói trong điện thoại là: Vừa nói chuyện với T thì ý của T muốn yêu cầu S phải đưa cho T số tiền là 50.000.000 đồng và Q cũng phải đưa cho Thắng là 50.000.000 đồng. S nói với Q là đang khó khăn thì Q nói: Thế để Q xử lý cho (S hiểu ý Q nói là Q sẽ dùng tiền của mình để đưa cho T bao gồm số tiền 50.000.000 đồng gồm cả phần của S), rồi anh Q tắt máy. Sau đó, S gọi lại Zalo cho Q và nói với Q đề Sơn tự xử lý, Q nhất trí.

Đến hồi 09 giờ 47 phút ngày 31/3/2023, Nguyễn Mạnh T gọi điện thoại theo số 0888.279.abc cho anh Vũ Đức Th (Giám đốc Công ty TNHH T- Điện Biên) theo số điện thoại 033.562.abc, T hỏi Th vừa trúng gói thầu xây dựng ở Đ à? Th xác nhận là đúng. T nói với Th: Kiểm tra lại năng lực tài chính trong hồ sơ dự thầu là không đủ đâu, anh có anh bạn làm phóng viên có phiếu đăng ký nội dung làm việc cho rằng năng lực tài chính của công ty em không đủ điều kiện dự thầu. Th nói là năng lực tài chính của Công ty TNHH T Điện Biên đủ điều kiện tham gia dự thầu. T nói: Em bảo người làm hồ sơ kiểm tra lại xem, anh thấy ở đây là không đủ đâu; Th nói: Vâng. T và Th hẹn nhau vài ngày sau sẽ gặp gỡ để nói cụ thể vì thời điểm đó Th đang bận. Sau khi nói chuyện với T, Th kiểm tra lại báo cáo tài chính của Công ty đã nộp cho Cơ quan Thuế thì thấy doanh thu trong báo cáo tài chính trùng khớp với doanh thu mà thể hiện trong hồ sơ dự thầu và đảm bảo tiêu chí dự thầu.

Đến 15 giờ 14 phút ngày 01/4/2023, S dùng số điện thoại 0913.393.abc gọi cho T theo số điện thoại 0888.279.abc để hẹn T ra quán cà phê P với mục đích đưa trước số tiền 20.000.000 đồng trên tổng số tiền 100.000.000 đồng mà trong điện thoại S đã bảo với Q là S sẽ xử lý để đưa cho Th và trao đổi để giảm số tiền phải đưa. Tại cuộc gặp gỡ, khi nói chuyện thì Th kể với S nghe về vụ việc ở L: Có doanh nghiệp thì công xâm phạm vào rừng, làm 15 người bị bắt đi tù. Th phân tích cho S về diện tích rừng, loại rừng bị xâm phạm là bao nhiêu sẽ bị khởi tố. Th nói diện tích của dự án mà S đang thi công hơn 1,3ha là đủ sai phạm để bị khởi tố, khiến anh C, Chủ tịch UBND huyện T và anh Q, Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình huyện T cũng bị “chết” (nghĩa là bị xử lý), S hiểu là T đang đe dọa để S sợ và nếu S không đưa tiền cho T thì T sẽ viết bài, đăng tin làm S bị khởi tố, đi tù

và thậm chí là một số lãnh đạo cũng bị xử lý theo, nên S rất lo sợ và không biết tiếp theo T sẽ làm gì. Tiếp đó, T nói với S: Có nhà báo là Trưởng Phòng phóng viên, công tác ở cơ quan ngôn luận lớn nhất toàn quốc là Báo Bảo vệ pháp luật đang rút hồ sơ dự thầu của Công ty TNHH T Điện Biên do anh Vũ Đức Th làm Giám đốc. Nói xong, T bảo S là đã hẹn lãnh đạo kiểm lâm và hẹn lãnh đạo sở (tức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên) để làm việc liên quan đến dự án S đang thi công. S xin T bỏ bài đi cho S (tức là không viết, đăng bài về sự việc đó). T nói là không bỏ bài gì cả, bây giờ việc S thi công xâm phạm vào đất rừng đã bị T và kiểm lâm phát hiện, nếu muốn che giấu sự việc thì phải đưa tiền cho T vì T là người có uy tín, mọi việc muốn giải quyết thì phải thông qua T. Do lo sợ T sẽ viết, đăng bài về công trình trên nên S tiếp tục xin T xóa video về công trình mà S đang thi công, còn việc đưa tiền cho T theo yêu cầu của T thì S sẽ đứng ra đưa cả phần tiền của S và phần tiền của chủ đầu tư. T hỏi ý của S muốn giải quyết như thế nào vì ngày 29/3/2023 S đã khát T. S xin đưa trước cho T 20.000.000 đồng và hứa đến thứ 3 (tức ngày 04/4/2023) S sẽ đưa cho T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), đồng thời S lấy từ trong túi quần ra một phong bì công văn của Công ty TNHH G Điện Biên bên trong đựng số tiền 20.000.000 đồng (gồm 100 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng) đưa cho T; T không đồng ý và nói: “*Thằng Q mai nó vẫn vào bình thường*” (S hiểu ý là Q vẫn phải gặp T để đưa tiền cho T), S xin T để S đưa T số tiền gồm cả phần của Q và xin T không gọi điện cho Q nữa. T lại nói: “*Thì mày trả cho thằng Q*”. Sau đó, S hiểu ý T (là Q vẫn phải đưa cho T và S trả cho Q nên S vẫn xin T là để S đưa tiền cho T thay phần của anh Q, đồng thời S nói là đang khó khăn xin T đến thứ 5 (tức ngày 06/4/2023) sẽ đưa thêm tiền cho T. Một lúc sau, T hỏi lại S: Đấy có phải ý của Q không? S trả lời: Vâng. Thấy T chưa đồng ý, S tiếp tục hẹn lại đến thứ 3 (tức ngày 04/4/2023) đưa thêm cho T 50.000.000 đồng. Sau đó, T nhận phong bì tiền từ S đưa rồi để trên mặt bàn. Tiếp đó, T lại nói đến câu chuyện anh C, nguyên Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện T mới bị bắt; anh T, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện T; chị T, Phó Chủ tịch huyện T phải bỏ tiền ra lo nếu không thì T động vào (tức là viết bài, đăng tin) là “chết” (nghĩa là bị xử lý). T tiếp tục kể việc anh Q cũng phải sợ T, nếu T mở hồ sơ công trình của S ra. Thằng hỏi S là đã gọi điện cho anh H, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên để xin gặp, giải quyết sự việc liên quan đến công trình đường bản N đi bản H và anh H bảo bạn đúng không? S trả lời đúng (S hiểu là Thằng đưa ra thông tin về uy tín, mối quan hệ của T để đe dọa S). T tiếp tục nói chuyện về Công ty của anh Th liên danh với Công ty L có dấu hiệu vi phạm, không đủ năng lực trong quá trình dự thầu, bị nhà báo Nguyễn Hoàng L (Báo Bảo vệ pháp luật) phát hiện. Nói chuyện xong, S ra về trước (buổi trao đổi này đã được S ghi âm lại).

Vào 16 giờ 25 phút cùng ngày, S dùng số điện thoại 0912.683.abc gọi cho Th theo số 0335.620.abc; S hỏi chuyện Th bị Th hỏi đến dự án của Công ty TNHH T Điện Biên vừa dự thầu đúng không? T trả lời là đúng rồi và T nhờ S tìm hiểu giúp xem ý Th là gì. S nhất trí.

Khoảng 09 giờ ngày 02/4/2023, một mình Vũ Đức Th đến gặp T tại quán cà phê P. Trong lúc ngồi uống nước, T nói với Th là có phóng viên ở Trung ương (là

bạn của Th) phát hiện ra một số sai phạm tại gói thầu bản T mà Công ty TNHH T Điện Biên vừa trúng thầu vào tháng 3/2023. T nói những sai phạm đó là năng lực tài chính của công ty Th không đủ điều kiện để tham gia dự thầu. T nói là phóng viên ở Trung ương sẽ lên làm việc với chủ đầu tư về dự án trên. Th không rõ những điều T nói có chính xác hay không nhưng Th sợ T hoặc phóng viên khác đến quay phim, chụp ảnh rồi viết bài, đăng tin với nội dung không tốt liên quan đến công trình bản T mà công ty của Th đang chuẩn bị thi công, nên Th nói với T là: Có gì nhờ anh giúp đỡ (ý Th là nhờ T can thiệp để phóng viên không đến viết bài, đăng tin). Sau đó, T cho Th xem ảnh card visit của nhà báo Nguyễn Hoàng L - Báo Bảo vệ pháp luật trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax của T và cho Th chụp lại ảnh card visit nêu trên, T nói: Có gì thì liên hệ với nhà báo này (Th hiểu là nhà báo Nguyễn Hoàng L là người nắm được thông tin vi phạm của Công ty của Th mà T nói kể trên, nên Th đã chụp lại ảnh card visit của nhà báo L).

Khoảng 10 giờ ngày 03/4/2023, Th đến nhà S nói với S là: T nói là sai phạm của Công ty Th xử lý phải tiền trăm (nghĩa là Th phải chi cho Thắng 100.000.000 đồng trở lên). Nghe Th nói vậy, S nói: Chúng nó định ăn cướp à, mày gọi cho nó xem nó lấy bao nhiêu tiền cho đỡ đau đầu. Th ngại nên nhờ S nói chuyện với Th để xem Th muốn cụ thể bao nhiêu tiền. Vào 10 giờ 34 phút cùng ngày, S gọi điện thoại cho T (S bật loa ngoài, đồng thời Th cũng bật ứng dụng ghi âm bằng máy điện thoại di động của Th). Trong cuộc gọi, T hỏi S là Th đã xử lý ở dưới kia chưa (S và Th hiểu là đã đàm phán, thu xếp công việc với nhà báo L chưa)? Th nói thầm với S là đã giải quyết xong rồi, S nói lại với T là đã xử lý rồi (tức là đã nhờ người can thiệp để nhà báo L không lên làm việc ở Điện Biên nữa). T nói là: Phải thêm sự việc ở trên này (S và Th hiểu ý của T là thu xếp được với nhà báo L rồi, nếu muốn không phức tạp thì còn phải đưa tiền cho các phóng viên ở Điện Biên thông qua T). S hỏi T là đưa cho T 50.000.000 đồng được không (mục đích để T không làm gì ảnh hưởng đến công ty của Th)? T trả lời: Riêng ở đây thì được, tầm đấy được (S và Th hiểu là Th phải đưa cho T 50.000.000 đồng thì T mới bỏ qua). S nói với Th là để S bảo Th chuẩn bị tiền. T nói: Phải ngay và luôn chứ không chiều nay T đặt lịch làm việc với chủ đầu tư; S nhất trí sau đó kết thúc cuộc gọi.

Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 04/4/2023, S và Th mỗi người chuẩn bị 01 (một) phong bì, bên trong mỗi phong bì đựng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến quán cà phê P để đưa tiền theo yêu cầu của T. Đến 09 giờ 00 phút cùng ngày, S và Th cùng nhau đưa phong bì đựng tiền cho T. T nhận tiền thì tổ công tác Công an thành phố Đ phát hiện, tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Mạnh T về hành vi Cường đoạt tài sản và thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp về người, chỗ ở, phương tiện, nơi làm việc đối với Nguyễn Mạnh T.

Tại bản Kết luận giám định số 573/KL-KTHS ngày 06/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: *“Trong 01 (một) điện thoại di động màu vàng đồng, nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max ... gửi giám định, tìm thấy dữ liệu phát sinh hoặc có thuộc tính thời gian từ ngày 28/3/2023 đến ngày 04/4/2023, cụ thể có: 265 cuộc gọi; 39 tin nhắn SMS và iMessage; 258 tệp tin hình ảnh; 09 tệp tin video”*.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 744/KL-KTHS ngày 12/5/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên (phục hồi, trích xuất được dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max gửi giám định thu giữ của Nguyễn Mạnh T), có: *“457 cuộc gọi thường, FaceTime và Viber; 1.216 tin nhắn SMS; 42.979 tin nhắn Zalo; 70 tin nhắn Viber; 423 lịch sử truy cập web; 13.665 tệp tin hình ảnh, video; 344 tệp tin tài liệu”*.

Tại bản Kết luận giám định số 718/KL-KTHS ngày 05/5/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên (giám định 01 điện thoại Samsung Galaxy S20 của Nguyễn Văn H), có: *“2500 cuộc gọi thông thường; 14 cuộc gọi Messenger; 1.784 danh bạ; 9.409 tin nhắn SMS; 377 tin nhắn Messenger; 45.008 tin nhắn Zalo;...”*.

Trong kết quả trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại di động của Nguyễn Mạnh T, Cơ quan điều tra phát hiện 01 đoạn video quay công trình xây dựng đang thi công do Nguyễn Văn H gửi cho Nguyễn Mạnh T qua mạng xã hội zalo.

Tại Kết luận giám định số 2513/KL-KTHS ngày 11/04/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu cần giám định;

- Tiếng nói của người nam (ký hiệu "T" trong Bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Mạnh T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người nam (ký hiệu "S" trong Bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Hoàng Thế S trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Tiếng nói của người nam (ký hiệu "Th" trong Bản dịch nội dung âm thanh mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Vũ Đức Th trong mẫu so sánh là của cùng một người.

- Nội dung âm thanh trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản.”.

Ngày 10/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên ban hành bản Kết luận giám định số 588/KL-KTHS (trích xuất dữ liệu điện tử lưu trữ trong Camera được lắp đặt trong quán cà phê P, các khoảng thời gian 10h-11h30 ngày 30/3/2023, 06h30-12h ngày 31/3/2023, 15h10-16h20 ngày 01/4/2023, 08h55-09h50 ngày 04/4/2023), kết luận: *“Trong ổ cứng gửi giám định, tìm thấy 13 tập tin ghi hình phát sinh trong các khoảng thời gian theo yêu cầu giám định.”*

Ngày 12/4/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên ban hành bản Kết luận giám định số 601/KL-KTHS, kết luận (đối với 237 tờ tiền có trong Phong bì CÔNG TY CỔ PHẦN MTDTXD TỈNH ĐIỆN BIÊN, phong bì CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ TM P, phong bì ... TỈNH ĐIỆN BIÊN, phong bì CÔNG TY TNHH G ĐIỆN BIÊN, phong bì thư bưu điện): *“237 (hai trăm ba mươi bảy) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) gửi giám định là tiền thật.”*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2024/HS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

“Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. *Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (04/4/2023).*

2. *Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 170/BLHS phạt tiền là 30.000.000đồng để sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo.*

Truy thu của bị cáo số tiền 20.000.000 đồng để trả cho anh Hoàng Thế S”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 01/02/2024, bị cáo Nguyễn Mạnh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bị cáo cho rằng mình vô tội.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử cho rằng:

Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thu thập hợp pháp, khách quan. Lời khai của các bị hại Hoàng Thế S và Vũ Đức Th phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các biên bản thu giữ đồ vật tài liệu...về thời gian, địa điểm gặp T, về việc T có hành vi đe dọa để uy hiếp tinh thần, về việc số tiền, thời gian đưa tiền mà S, Th đã giao cho T, có đủ cơ sở xác định bị cáo T đã có hành vi dùng thủ đoạn khác uy hiếp về mặt tinh thần, đe dọa gây thiệt hại về danh dự uy tín cho 02 công ty của Th và S, làm cho các bị hại lo sợ mà phải miễn cưỡng giao tài sản cho bị cáo. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Mạnh T đã phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo được Quân khu 2 tặng bằng khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS xử phạt 05 năm tù đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo có căn cứ và đúng pháp luật. Ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 20.000.000 đồng cho bị hại S, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xét về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1

Điều 51 BLHS đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024 ngày 29/01/2024 của TAND thành phố Đ theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo đó, áp dụng điểm d khoản 1 Điều 170; điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T từ 04 năm 6 tháng đến 04 năm 8 tháng tù kể từ ngày 04/4/2023; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo không đe dọa để chiếm đoạt tài sản của Sơn và Thuật, số tiền các bị hại đưa cho bị cáo là tiền cảm ơn bị cáo đã cung cấp thông tin để họ kiểm tra lại và hoàn thiện các thủ tục còn thiếu trong hồ sơ đầu thầu và thi công dự án; bị cáo cho rằng các file ghi âm do S, Th cung cấp cho cơ quan điều tra đã bị cắt ghép, biên tập lại nhằm mục đích buộc tội cho bị cáo cưỡng đoạt tài sản.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo vẫn nhận thức là mình không có tội, nhưng nếu pháp luật quy định hành vi mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm thì bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đến công lao đóng góp với xã hội và các tình tiết khác để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định nên hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không chấp nhận Thông tin nhân thân mà bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng theo Quyết định số 39 ngày 25/4/2005 của Trưởng Công an phường M.

Ngày 29/5/2024 Công an thành phố Đ cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên: Biên bản vi phạm hành chính lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 25/4/2005 đối với Nguyễn Mạnh T về hành vi “Đánh nhau - Gây rối trật tự công cộng”; Bản cam đoan của Nguyễn Mạnh T đề ngày 25/4/2005. Các tài liệu này thể hiện: Ngày 16/4/2005 Nguyễn Mạnh T - Phóng viên Báo Đ có hành vi xô xát, đánh vợ nên ngày 25/4/2005 bị Công an phường M, thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính với mức Cảnh cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo công nhận chữ ký và phần chữ viết họ tên “Nguyễn Mạnh T” ở phần cuối của các tài liệu này là chữ ký và chữ viết của bị cáo.

Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ thu thập thông tin về nhân thân và được Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định nhân thân trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn khách quan, chính xác, không làm sai lệch thông tin nhân thân của bị cáo Nguyễn Mạnh T.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Bị cáo Nguyễn Mạnh T là Nhà báo công tác tại Báo Đ, có mối quan hệ rộng với nhiều người, có tầm ảnh hưởng và được nhiều người biết đến. Mặc dù bị cáo không được phân công viết bài đối với Công ty TNHH G do Hoàng Thế S làm giám đốc và Công ty TNHH T do Vũ Đức Th làm giám đốc, nhưng khi biết được thông tin về việc Công ty của Hoàng Thế S đang thi công đường bản N đi bản H, xã C, huyện T thiếu thủ tục về rừng; Công ty của Vũ Đức Th không đủ năng lực tham gia dự thầu đối với gói thầu xây dựng ở Đ. T đã thu thập thông tin qua Nguyễn Hoàng L (Trưởng Văn phòng đại diện Miền Trung - Tây Nguyên, Báo Bảo vệ pháp luật, VKSND Tối cao); Nguyễn Văn H (Phó Chi cục trưởng chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên), rồi dùng thủ đoạn: Đưa thông tin kèm hình ảnh video, thẻ của nhà báo Nguyễn Hoàng L mà bị cáo có được, đe dọa sẽ làm việc với chủ đầu tư, sẽ phối hợp cùng Kiểm lâm để đến kiểm tra, Thắng hoặc nhà báo trung ương lên viết bài về những sai phạm của hai Công ty của S và T. Với trình độ, năng lực và vị thế của mình, bị cáo đã gợi ý S và Th đưa tiền cho mình để bị cáo không viết tin bài về sai phạm của 2 Công ty này. Trước sự đe dọa của T, S và Th sợ danh dự, uy tín và việc thực hiện công trình bị ảnh hưởng nên đã miễn cưỡng thực hiện yêu cầu của T là đưa tiền với mong muốn để T không viết tin bài, tránh làm ảnh hưởng xấu đến bản thân và Công ty do mình quản lý.

Hành vi của bị cáo được chứng minh tại các file ghi âm đã được Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an giám định tại Kết luận số 2513 ngày 11/4/2023, trong đó thể hiện việc Thắng luôn dùng lời nói đe dọa để S và Th phải sợ mà giao tiền cho T, cụ thể:

Đối với bị hại S, tại phút 31:17, T nói: *“...anh nói luôn một điều là anh hẹn bọn nó, tí tao gọi điện cho lãnh đạo kiểm lâm, tao gọi cho chúng nó rồi, cả lãnh đạo sở nữa cơ...”*; phút 39:00: *“... vừa bắt thằng C, xích cổ thằng đấy, rồi cái Q đòi chạy... bỏ một đồng tiền ra lo, nhưng bây giờ bọn tao động vào là chết ...”*, *“Mày chết luôn, thằng T ấy tao đang kiểm toán của nó đấy...”*, tại phút 44:25: *“...anh nói với mày tao không làm chứ tao chỉ cần làm thì mày đến ốm luôn, thằng kia đi tù luôn, nếu người khác không làm được thì bọn anh làm được...”*; tại phút 46:00: *“...cái việc của mày không giải quyết thì không được đâu nhá...”*, *“phải đi chứ còn gì nữa, rồi mày xem, thằng Th đấy kệ nó, anh gọi cho nó rồi”*; tại phút 01:05:30: *“...mày nên nhớ, thằng này nó là Viện kiểm sát tối cao, tao cho mày xem hình ảnh nó này”*.

Đối với Công ty của Th do T nói không đủ năng lực tài chính để đầu thầu, tại phút 47:00, T nói: *“...điều kiện nhá, phải thỏa mãn yêu cầu nhưng doanh thu của nó có 58 tỷ thì nó... chứ còn gì nữa”*; tại phút 48:00: *“không không anh không đồng ý đâu ... bảo nó sớm sớm ấy, nó tự làm việc với thằng kia ...nó có một tí tiền này thôi em hiểu không, bọn nó đã kéo quân lên đây 3 thằng, lên làm việc một lúc sau là chết rồi ...”*; tại phút 51:00: *“... tổng chi mất vài chục thôi ...”*.

File ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa bị hại S và bị cáo T ngày 03/4/2023, tại phút 02:00 bị cáo nói *“Ở đây thì đơn giản thôi nhưng mà phải xử lý”* khi Sơn nói ở dưới kia ô kê rồi thì bị cáo nói *“bảo nó phải thêm sự việc ở trên này, thế thôi còn nếu không thì không bao giờ được”*. Tại phút 03:00 khi S nói: *“Tầm 50*

triệu được không” thì bị cáo nói: “*Riêng ở đây thì được....Ngay và luôn chứ không chiều nay tao đặt tao gọi, mày hỏi nó xem, tao đặt trên bọn kia về*”.

Tại Kết luận giám định số 2513/KL-KTHS ngày 11/04/2023 kết luận: “*Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu cần giám định;...*”.

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của các bị hại Hoàng Thế S và Vũ Đức Th tại cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm về thời gian, địa điểm gặp T, những lời nói đe dọa của T trong các file ghi âm thể hiện sự uy hiếp tinh thần đối với S và Th; phù hợp với số tiền S, Th đã giao cho T theo gợi ý của Th; lời khai của bị hại phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H, ông Ngô Cương Q, ông Nguyễn Quốc T về thời gian gọi điện thoại, nội dung trao đổi, thu thập thông tin của bị cáo Thắng. Các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đảm bảo khách quan, hợp pháp; các file ghi âm được cơ quan điều tra thu thập và trưng cầu giám định không bị cắt ghép làm sai lệch nội dung các cuộc nói chuyện giữa bị cáo với bị hại.

Vì vậy, HĐXX phúc thẩm khẳng định bị cáo Nguyễn Mạnh Th đã thực hiện hành vi dùng thủ đoạn khác là sử dụng thông tin do bản thân thu thập được để uy hiếp, đe dọa về mặt tinh thần khiến S, Th sợ và phải đưa tiền cho T để T không viết tin bài làm ảnh hưởng đến uy tín, công việc của Công ty do S, Th làm giám đốc. Tổng số tiền các bị hại đã đưa cho bị cáo là 120.000.000 đồng, trong đó: S đã đưa 70.000.000 đồng (ngày 01/4/2023 đưa 20 triệu đồng; ngày 04/4/2023 đưa 50 triệu đồng), Th đã đưa 50.000.000 đồng vào ngày 04/4/2023. Khi bị cáo đang trao đổi và đã nhận tiền của S và Th thì bị bắt quả tang. Bị cáo cho rằng số tiền này là tiền do S và Th cảm ơn là không phù hợp với lời khai của bị hại và nội dung các cuộc trao đổi giữa bị cáo và bị hại, người liên quan; không có tài liệu nào chứng minh kết quả công việc mà bị cáo đã giúp cho S và Th để được cảm ơn. Do đó, khẳng định số tiền S và Th đưa cho T không phải là tiền cảm ơn như bị cáo đã khai trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm; các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, không có chứng cứ nào chứng minh bị cáo vô tội.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình công tác, bị cáo đã có thành tích xuất sắc được Chính uỷ Quân khu 2 tặng Bằng khen theo Quyết định số 146/QĐ-QK ngày 03/02/2023; bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và Huy chương chiến sỹ vẻ vang nên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3]. Về hình phạt:

Khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định: Chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 05 (năm) năm tù là đúng quy định pháp luật.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Đặng Thị H (vợ bị cáo Thắng) đã thay bị cáo nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) là tiền truy thu của bị cáo để trả cho Hoàng Thế S theo quyết định của bản án sơ thẩm, được thể hiện tại Biên lai thu tiền số 602 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên tình tiết giảm nhẹ này cũng không làm thay đổi hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên, bởi bị cáo vẫn cố tình không thừa nhận hành vi phạm tội nên mức án 5 năm tù là hoàn toàn thỏa đáng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. HĐXX phúc thẩm giữ nguyên mức án của bản án sơ thẩm; không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.4]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 170 BLHS quy định, ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng hoặc tịch thu một phần hoặc tịch thu toàn bộ tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, thu nhập ổn định từ lương của bị cáo để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng:

Các đồ vật, tài liệu và vật chứng vụ án đã được các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xử lý và HĐXX sơ thẩm đã tuyên phần lớn đều đảm bảo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 của BLTTHS.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Mạnh T và bà Đặng Thị H hoàn toàn nhất trí với việc xử lý vật chứng, trao trả tài sản mà cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã thực hiện; bị cáo và bà H không đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại.

Riêng đối với 01 camera thu giữ của gia đình bị cáo, tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đề nghị được trả lại chiếc camera này. Xét thấy, những dữ liệu trong camera đã được sao lưu vào đĩa DVD lưu theo hồ sơ vụ án nên việc trả lại camera là đúng quy định của pháp luật, cần được chấp nhận. Ngày 25/9/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc camera này cho bà Đặng Thị H, vì vậy HĐXX phúc thẩm sửa lại phần tuyên về xử lý vật chứng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả lại cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T không có căn cứ nên không chấp nhận.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2024/HS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp 20 triệu đồng để trả lại cho anh Hoàng Thế S nên phần dân sự đã được thực hiện xong, bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Mạnh T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2024/HS-ST ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm v, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (04/4/2023).

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 170 BLHS, phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Mạnh T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1, 2 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2, điểm a, b, d khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

3.1. Trả lại cho bị hại Hoàng Thế S số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) - số tiền này đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, và theo Biên lai thu tiền số 0000602 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3.2. Trả lại cho bị hại Vũ Đức Th số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) - số tiền này đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3.3. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, số IMEI: 350022960959021, số MEID: 35002296095902, bên trong có lắp 01 sim nhãn Vinaphone, trên mặt có in hàng số

89840200011258192572 và 01 (một) eSim (vật chứng này được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên).

3.4. Tịch thu tiêu hủy: 01 bình nhựa hình trụ tròn chứa dung dịch màu nâu, thể tích 2,7 lít, và các mẫu cành, lá, hoa, quả thực vật đã mục nát được niêm phong bằng 03 (ba) tờ giấy niêm phong, mỗi tờ giấy có dòng chữ GIẤY NIÊM PHONG.

3.5. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh T:

+ Số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), gồm: 10 (mười) tờ tiền mệnh giá 500.000VND (năm trăm nghìn VND) được đựng trong 01 (một) phong bì giấy kích thước khoảng 22cm x 10cm; một mặt phong bì có in chữ “CÔNG TY CỔ PHẦN MTDTXD TỈNH ĐIỆN BIÊN; Địa chỉ: SN abc - Tổ dân phố abc - P H - TP Đ Tỉnh Điện Biên; Điện thoại: 0215.3810.abc abcb@gmail.com”.

+ Số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), gồm: 10 (mười) tờ tiền mệnh giá 500.000VND (năm trăm nghìn VND) được đựng trong 01 (một) phong bì giấy kích thước khoảng 22cm x 10cm; một mặt phong bì có in chữ “CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ TM P; Hoàng Thị P - Tổng giám đốc; Mobile: 0979.151.abc”.

+ Số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), gồm: 17 (mười bảy) tờ tiền mệnh giá 500.000VND (năm trăm nghìn VND) được đựng trong 01 (một) phong bì giấy kích thước khoảng 22cm x 10cm; một mặt phong bì có in chữ “... ..; ĐT: 0215.3824abc - Fax: 02153833abc”.

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

2. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/7/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an TP.Đ;
- TAND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- VKSND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Điện Biên;
- Vụ GDKT I, Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hòa